

PHỤ LỤC IV
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng

Bộ Tài chính)

CÔNG TY CP DƯỢC – VẬT TƯ Y TẾ ĐẮK LẮK **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: 02/2026/BC-DBM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày 06 tháng 04 năm 2026

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ ĐẮK LẮK
Năm báo cáo: 2025

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
 - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát:

Tên giao dịch: **Công ty cổ phần Dược - Vật tư y tế Đắk Lắk**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: **6000449389**

Vốn điều lệ: **19.415.880.000 đồng**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 19.415.880.000 đồng

Địa chỉ: 09A Hùng Vương, Phường Buon Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

Số điện thoại: 02623.812.394

Số fax: 02623.858.805

Website: <http://www.bamepharm.com.vn>

Mã cổ phiếu: **DBM**

*** Quá trình hình thành và phát triển**

Quá trình hình thành và phát triển (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay).

Ngày thành lập Công ty: 14/04/1976.

Ngày chuyển đổi thành công ty cổ phần: 31/12/2003 với 51% vốn điều lệ do SCIC nắm giữ và chi phối. Tháng 10/2012, SCIC thoái toàn bộ 51% vốn góp.

Thời điểm niêm yết: Công ty niêm yết trên sàn UpCOM vào tháng 08/2010.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

Ngành nghề kinh doanh (*Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất*):

Mua bán thuốc, dược phẩm, vắc xin, sinh phẩm y tế, hóa chất xét nghiệm. Mua bán thiết bị quang học, thiết bị y tế, nha khoa, thiết bị bệnh viện. Mua bán các sản phẩm chức năng và dinh dưỡng.

Địa bàn kinh doanh (*Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất*):

Địa bàn kinh doanh chính của Công ty tại 02 tỉnh: Đắk Lắk và Đắk Nông (cũ).

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Mô hình quản trị:

Mô hình quản trị của Công ty được cơ cấu theo mô hình Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.

- Cơ cấu bộ máy quản lý:
Bộ máy quản lý của Công ty được cơ cấu như sau:
 - + Quản lý cấp cao: Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc.
 - + Quản lý cấp trung: Kế toán trưởng, Giám đốc kinh doanh, các Trưởng phòng: Kế toán - Tài chính, Kế hoạch - Nghiệp vụ, Tiếp thị - Bán hàng, Tổng hợp - Nội vụ, Đảm bảo chất lượng và Giám đốc các chi nhánh.
 - + Quản lý cấp cơ sở: Phó phòng, Phó Giám đốc chi nhánh, Trưởng kho, Phó kho, Tổ trưởng và Trưởng Nhà thuốc, Phụ trách Chi nhánh, Phụ trách Nhà thuốc.
- Các công ty con, công ty liên kết: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết): Không.

4. Định hướng phát triển:

- Các mục tiêu định hướng của Công ty trong năm 2026:
 - + Hoàn thành chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận theo kế hoạch của ĐHCĐ.
 - + Phát triển doanh thu sản phẩm chủ lực TPC, GCNK.
 - + Đảm bảo doanh thu hệ thống bán lẻ trực tiếp.
 - + Đảm bảo thu nhập của người lao động.
- Các chỉ tiêu cụ thể năm 2026:
 - + Hoàn thành chỉ tiêu Tổng doanh thu: 248,5 tỷ đồng, Doanh thu Traphaco: 68,5 tỷ đồng.
 - + Lợi nhuận sau thuế: 5,1 tỷ đồng.
 - + Thu nhập BQ/ tháng: 7,5 triệu đồng/ người/ tháng.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Năm 2025, Bamepharm tiếp tục đổi mới với những khó khăn khi hành vi người tiêu dùng, sinh hoạt của người dân, khách hàng thay đổi. Mặt khác, đối mặt với những thách thức từ sự cạnh tranh ngành ngày càng khốc liệt, xu hướng phát triển của các chuỗi nhà thuốc.

Tuy nhiên trên nền tảng đã được thiết lập, công ty tiếp tục phát huy chiến lược lớn, đón đầu những cơ hội mới.

❖ Chiến lược về quản lý:

- + Quản lý tài chính:
 - Tăng cường công tác quản trị tài chính, kiểm soát chặt chẽ cân đối nguồn tài chính, đảm bảo nền tài chính ổn định, an toàn và lành mạnh.
 - Kiểm soát các khoản chi phí đảm bảo hợp lý, sử dụng hiệu quả nguồn vốn bằng kế hoạch tài chính ngân sách đã xây dựng.
 - Quản trị chặt chẽ thu hồi công nợ, tăng cường công tác quản trị tại các chi nhánh.
- + Quản lý chất lượng:
 - Tiếp tục duy trì các chính sách chất lượng toàn diện đã thực hiện.
 - Đảm bảo tiêu chuẩn GPs.
- + Quản lý tồn kho:
 - Nắm bắt thị trường, điều tiết, kiểm soát hàng hóa đầu vào, hạn chế tối đa tình trạng đứt hàng, thiếu hàng nhằm đáp ứng đầy đủ nhu cầu thị trường.
 - Sử dụng ERP hỗ trợ kiểm soát tồn kho.

❖ Chiến lược thị trường:

- + Sản phẩm kinh doanh chủ lực: Tập trung kiểm soát chính sách sản phẩm, xây dựng và bám sát các sản phẩm chủ lực để phù hợp với nhu cầu của khách hàng, gia tăng thị phần và lợi nhuận.
- + Kiện toàn một số đơn vị cơ sở, tuyển bổ sung mậu dịch viên bán lẻ.

- + Giữ vững thị trường ngách mà Bamepharm đang có lợi thế cạnh tranh, mở rộng sang các thị phần khác.
- + Phát triển thương hiệu: Triển khai thương hiệu Công ty qua hệ thống kinh doanh. Tạo vị thế Công ty trong khu vực Tây Nguyên.
- + Tăng cường đầu tư cho hoạt động chăm sóc khách hàng.
- + Đẩy mạnh chính sách lương thưởng để động viên trình độ viên tích cực bán hàng, tăng doanh số, mở rộng thị phần.

❖ *Chiến lược lãnh đạo:*

- + Phong cách lãnh đạo: Vận dụng linh hoạt phong cách lãnh đạo đối với từng đối tượng cụ thể trên cơ sở lấy mục tiêu và lợi ích chung của Công ty làm trọng tâm.
- + Xây dựng văn hóa tổ chức:
 - Xây dựng và phát huy văn hóa, đổi mới mô hình và kiến tạo tương lai.
 - Tiếp tục triển khai năm văn hóa công ty và tuyên truyền, truyền thông thấm nhuần tới từng người lao động, đảm bảo việc thực hiện văn hóa và thúc đẩy sự phát triển của Công ty.

❖ *Chiến lược về về đầu tư:*

- + Trang thiết bị, phương tiện lao động: Trang bị phương tiện, trang thiết bị phù hợp với tốc độ phát triển của công ty và thị trường.
- + Cơ sở vật chất: Cải tạo, sửa chữa các cơ sở vật chất đã xuống cấp.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty

- + Tăng trưởng hiệu quả kinh doanh ổn định, mang lại nhiều giá trị lợi ích và đãi ngộ tốt cho nhân viên, tích cực đầu tư phát triển nguồn nhân lực; quản trị rủi ro, giám sát tuân thủ và minh bạch thông tin.
- + Tối ưu hóa giá trị mang lại cho cổ đông, khách hàng và nhà đầu tư; thúc đẩy sự phát triển kinh tế tại địa phương nói riêng, xã hội nói chung.
- + Hoàn thành trách nhiệm đóng thuế với cơ quan chức năng, chung tay hành động và đóng góp vì cộng đồng; tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường.

5. Các rủi ro: (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường).

- Chính sách pháp luật của Nhà nước về kinh doanh ngành nghề của Công ty chưa ổn định:

Là doanh nghiệp hoạt động theo mô hình công ty cổ phần đồng thời đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (UpCOM), hoạt động của Công ty cổ phần Dược – Vật tư y tế Đắc Lắc chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật về công ty cổ phần, chứng khoán và thị trường chứng khoán bao gồm Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, các văn bản dưới luật và các quy định đối với công ty đăng ký giao dịch.

Đặc biệt trong lĩnh vực chuyên môn, Công ty chịu tác động và chi phối bởi Luật Dược số 105/2016/QH13.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm: Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp...vvv.
- Tình hình thực hiện so với kế hoạch: So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề.

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2024	Thực hiện 2025	Tỷ lệ (%) 2025/2024
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	213,05	219,9	103%
Chi phí kinh doanh	Tỷ đồng	19,72	20,21	102%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	3,35	5,67	169%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	2,79	4,64	166%
Đòn bẩy tài chính (FL)		1,49	1,52	102%
LN trước thuế/ Tổng doanh thu	%	1,57	2,58	164%
EPS		1.439	2.392	166%

2. Tổ chức và nhân sự

Danh sách Ban điều hành: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác).

* Ban Tổng Giám đốc điều hành:

- Tổng Giám đốc: Phan Thành Trinh – Sinh năm 1979 – Thạc sĩ, Bác sĩ CK2.
Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 166.346 cổ phần tương đương 8.57%/ Vốn điều lệ Công ty.
- Phó Tổng Giám đốc: Nguyễn Bá Lộc – Sinh năm 1972 – Cử nhân kinh tế.
Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 2.700 cổ phần tương đương 0,14%/ Vốn điều lệ Công ty.

* Các chức vụ quản lý khác:

- Trưởng phòng Kế toán-Tài chính: Nguyễn Văn Hoàng – Sinh năm 1978 – Cử nhân kế toán.
Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 0 cổ phần tương đương 0%/ Vốn điều lệ Công ty.
 - Kế toán trưởng: Lê Thị Mỹ Lệ – Sinh năm 1980 – Cử nhân kế toán.
Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 0 cổ phần tương đương 0%/ Vốn điều lệ công ty.
- Những thay đổi trong Ban điều hành: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm): Không.
 - Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

Đến thời điểm 31/12/2025, số lượng CBNV tại Công ty là 145 người.

Công ty đã thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách của Nhà nước và các quy chế, chính sách của Công ty đối với người lao động, bao gồm các chính sách: tiền lương, tiền thưởng, khen thưởng, kỷ luật, nội quy lao động, chế độ nghỉ phép, nghỉ lễ, tết, BHXH, ốm đau, thai sản, an toàn vệ sinh lao động, bổ nhiệm, tuyển dụng, đào tạo,...

Sử dụng quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi nhằm động viên khuyến khích người lao động tăng cường hiệu quả công việc, gắn bó với doanh nghiệp.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết):

Duy trì vốn góp tại Bệnh viện Mắt Tây Nguyên: 500 triệu đồng.

b) Các công ty con, công ty liên kết: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết): Không.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

ĐVT: 1.000 đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng giảm 2025/2024
Tổng giá trị tài sản	100.672.453	105.571.313	4,87%
Doanh thu thuần	213.371.815	219.928.386	3,07%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2.639.804	5.244.332	98,66%
Lợi nhuận khác	708.210	421.862	-40,43%
Lợi nhuận trước thuế	3.348.014	5.666.194	69,24%
Lợi nhuận sau thuế	2.794.851	4.644.352	66,18%

* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng

- Các chỉ tiêu khác (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất):

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

DVT: 1.000 đồng

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số cuối năm	% tăng giảm 2024/2023
I. TỔNG CỘNG TÀI SẢN	100.672.453	105.571.312.923	4,87%
1. Tài sản ngắn hạn	96.168.740	100.319.434.691	4,32%
1.1 Tiền và các khoản tương đương tiền	11.083.658	12.565.520.564	13,37%
1.2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	36.500.000	41.000.000.000	12,33%
1.3 Các khoản phải thu ngắn hạn	24.347.402	19.843.404.468	-18,50%
1.4 Hàng tồn kho	24.165.384	26.847.982.010	11,10%
1.5 Tài sản ngắn hạn khác	72.296	62.527.649	-13,51%
2. Tài sản dài hạn	4.503.712	5.251.878.232	16,61%
2.1 Tài sản cố định	4.003.713	4.751.878.232	18,69%
2.2 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	500.000	500.000.000	0,00%
2.3 Tài sản dài hạn khác	-	-	
II. TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	100.672.453	105.571.312.923	4,87%
1. Nợ phải trả	33.011.347	36.045.376.739	9,19%
1.1 Nợ ngắn hạn	33.011.347	36.045.376.739	9,19%
1.2 Nợ dài hạn	-	-	
2. Vốn chủ sở hữu	67.661.106	69.525.936.184	2,76%
2.1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	19.415.880	19.415.880.000	0,00%
III. CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CƠ BẢN			
ROE	4,13%	6,68%	61,74%
ROA	2,78%	4,40%	58,27%
ROS	1,31%	2,12%	61,83%
EPS	1439	2.392	66,23%
P/E (P = 30.100)	20,9	12,6	-39,71%
Chỉ tiêu khả năng thanh toán nhanh	2,18	2,04	-6,42%
D/A	0,33	0,34	3,03%
D/E	0,49	0,51	4,08%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a) Cổ phần: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài.

Tổng số cổ phần phổ thông đang lưu hành: **1.941.588 cổ phần** (không có cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng).

b) Cơ cấu cổ đông: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác.

* Cổ đông lớn: Công ty cổ phần Traphaco (chiếm 58,21%); Trương Vương Quốc Vũ (chiếm 12,41%); Phan Thành Trinh (chiếm 8,57%).

* Cổ đông nhỏ lẻ chiếm: 19,84%.

* Cổ đông là tổ chức trong nước: Công ty CP Traphaco (58,21%).

* Cổ đông là tổ chức nước ngoài:

* Cổ đông là cá nhân nước ngoài chiếm: 1,067%.

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần trong năm bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v.: Không.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch.

Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: 04 cổ phiếu.

e) Các chứng khoán khác: Nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán: Không.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: Không.

b) Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này.

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm).

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

Nguồn cung cấp nước chính: Công ty TNHH MTV Cấp nước và Đầu tư xây dựng Đắc Lắc.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng

Hiện tại Công ty không có hệ thống tái chế sử dụng lại các nguồn nước qua sử dụng.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường:

Không.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động.

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Số lao động 145 người. Mức thu nhập bình quân 7,0 triệu đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Thực hiện theo Luật lao động, Luật Bảo hiểm xã hội, Quy chế làm việc nội bộ, Thỏa ước lao động tập thể và pháp luật có liên quan.

Tổ chức cho người lao động tham quan, nghỉ dưỡng tại Đốc Lếch – Khánh Hoà với thời gian 2 ngày 1 đêm.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên.

Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.

Tổ chức chương trình “Ôn lại truyền thống công ty 14/4/1976 - 14/4/2025” với nhiều hoạt động sôi nổi và tuyên truyền, đào tạo cho người lao động gắn bó, cống hiến cho công ty.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng.

Phối hợp với Hội thầy thuốc trẻ tỉnh Đắk Lắk, Tinh đoàn Đắk Lắk tổ chức khám, cấp phát thuốc tại một số xã; tham gia Tết Công đoàn do Liên đoàn lao động tỉnh phát động...

Và các hoạt động Hiến máu tình nguyện.

Tham gia giữ gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn sở tại: Năm 2025, Công ty được cấp thẩm quyền chứng nhận đơn vị an toàn về an ninh-trật tự và cấp chứng nhận an toàn phòng cháy chữa cháy trên địa bàn.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN.

Lưu ý: (Mục 6 phần II Phụ lục này, công ty có thể lập riêng thành Báo cáo phát triển bền vững, trong đó các mục 6.1, 6.2 và 6.3 không bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm).

Khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng các chuẩn mực báo cáo quốc tế trong việc báo cáo Phát triển bền vững.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có).

+ Tổng doanh thu đạt 94,5% so với kế hoạch.

+ Lợi nhuận sau thuế đạt 87,7% so với kế hoạch.

+ Thu nhập bình quân đạt 93,3% so với kế hoạch.

Nguyên nhân không hoàn thành kế hoạch doanh thu và lợi nhuận:

+ Năm 2024 tiếp tục là năm thách thức với thị trường được phẩm, tiêu dùng; hành vi của người tiêu dùng thay đổi và giảm, ảnh hưởng lớn đến chỉ tiêu doanh thu, thêm vào đó là việc cạnh tranh khốc liệt từ chuỗi nhà thuốc. Mặt khác, việc cung ứng thuốc cho hệ thống điều trị giảm. Vì thế ảnh hưởng khá lớn đến việc thực hiện và hoàn thành doanh thu của toàn công ty.

- + Tiếp tục kiểm soát chi phí bằng kế hoạch ngân sách: kiểm soát chi phí từ khâu dự toán, phân bổ ngân sách tới các bộ phận, thường xuyên rà soát chi phí nhằm đảm bảo thực hiện mục tiêu lợi nhuận.
- + Doanh thu các sản phẩm có biên độ tốt chưa đáp ứng được kế hoạch đề ra.
- + Điều tiết chưa tốt kế hoạch tồn kho, giao hàng và chưa ổn định được giá đầu vào do nguyên nhân khách quan.

2. Tình hình tài chính

Tổng tài sản giảm so với năm 2024, giảm 4,87%. Năm 2025, với việc tập trung kiểm soát công nợ và tăng cường bám sát các khoản thanh toán từ các trung tâm y tế, bệnh viện đã tạm ứng nên các khoản phải thu được kiểm soát tốt, nợ phải thu giảm 18,5%; các khoản đầu tư ngắn hạn tăng 12,33% nên lượng tiền và các tài khoản tương đương tiền tăng 13,37%. Tài sản dài hạn tăng 16,61% so với cùng kỳ do tăng tài sản cố định.

Nguồn vốn trong năm 2025 tăng 4,87% so với năm 2024, trong đó: có vốn chủ sở hữu tăng 2,76% do giảm quỹ đầu tư phát triển, nợ phải trả tăng 9,19% so với cùng kỳ nên hệ số nợ phải trả/ tổng tài sản (D/A) tăng nhẹ so với cùng kỳ 3,03%; hệ số thanh toán nhanh giảm 6,42%.

Đánh giá cá chỉ số tài chính cơ bản: Đối với chỉ số ROE tăng 61,74%, chỉ số ROA tăng 58,27% do lợi nhuận sau thuế tăng 66,18% so với cùng kỳ, mà tổng tài sản tăng nhẹ. Và tổng doanh thu tăng 3% so với cùng kỳ nên chỉ số ROS tăng 61,83%.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần): Không.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty.

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...).

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.

a. Đối với hoạt động thị trường:

- Giữ vững khách hàng truyền thống, mở rộng khách hàng ngoài hệ thống.
- Phát triển doanh thu sản phẩm chủ lực.
- Nâng cao chất lượng dịch vụ.
- Đảm bảo cho khách hàng các quyền lợi từ các chính sách bán hàng.
- Xác định sản phẩm mang thương hiệu, mở rộng thị trường và phát triển sản phẩm định hướng.

b. Đối với hoạt động nhân sự:

- Sắp xếp, bố trí nhân sự khai thác có hiệu quả năng suất lao động.

c. Đối với hoạt động tài chính

- Thực hiện các chính sách tín dụng hỗ trợ kịp thời cho hoạt động kinh doanh.
- Đề ra các giải pháp tài chính để quản trị hoạt động đảm bảo sử dụng chi phí hợp lý.
- Sử dụng vốn an toàn và hiệu quả, đảm bảo lợi nhuận.

d. Hoạt động chuyên môn:

- Nâng cao chất lượng hoạt động GPs.
- Đảm bảo hàng hóa giao đến cho khách hàng đúng lô hàng, hạn dùng theo qui định.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty.

- Định hướng, chỉ đạo và giám sát Ban điều hành thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu mà ĐHQĐ thường niên thông qua.

- Thúc đẩy tăng trưởng doanh thu ETC, đảm bảo hiệu quả kinh doanh.
- Mở rộng, phát triển thị trường OTC bền vững.
- Kiểm soát tốt chi phí thông qua kế hoạch tài chính hàng năm, giám sát hoạt động đầu tư đạt hiệu quả, đảm bảo an toàn vốn và lợi nhuận.
- Phát triển ổn định sản phẩm chiến lược tạo lợi thế cạnh tranh như: sản phẩm Traphaco, sản phẩm gia công nhập khẩu, sản phẩm liên kết...
- Tăng cường công tác đào tạo nhằm nâng cao năng lực quản lý điều hành.
- Áp dụng ứng dụng CNTT vào công tác quản lý, khai thác hiệu quả đầu tư, tối ưu chi phí.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.

- Xây dựng kế hoạch, định hướng hoạt động bám sát Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên.
- Duy trì các phiên họp thường kỳ, bất thường để thảo luận, giám sát và thông qua các báo cáo kết quả hoạt động của Công ty, để chỉ đạo kịp thời và hiệu quả việc triển khai thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ và của HĐQT.
- Tiếp tục rà soát, bổ sung và điều chỉnh các quy chế, quy trình, quy định của Công ty phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh và yêu cầu quản trị, điều hành Công ty.
- Phối hợp với BKS trong công tác quản trị và giám sát hoạt động của Ban điều hành.

V. Quản trị công ty (Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này).

1. Hội đồng quản trị.

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác.

Stt	Họ tên	Chức vụ	SLCP sở hữu	SLCP đại diện Traphaco	Tỷ lệ VDL	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Mậu Hoàng Sơn	Chủ tịch	-	368.900	19,00%	
2	Ông Đinh Trung Kiên	Phó chủ tịch	-	368.900	19,00%	
3	Ông Phan Thành Trinh	Thành viên Tổng giám đốc	166.346	392.471	28,78%	
4	Ông Nguyễn Bá Lộc	Thành viên Phó Tổng giám đốc	2.700	-	0,14%	
5	Bà Lê Thị Mỹ Lệ	Thành viên Kế toán trưởng	-	-	-	Miễn nhiệm từ ngày 14/05/2025

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban: Không thành lập tiểu ban.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

- Năm 2025, HĐQT đã tổ chức 05 cuộc họp, với sự tham dự đầy đủ của các thành viên HĐQT, để thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT; ban hành 05 Nghị quyết liên quan đến hoạt động kinh doanh, tài chính, phê duyệt các giao dịch liên quan, chi trả cổ tức, tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
- HĐQT nắm rõ tình hình hoạt động của Công ty và có sự phối hợp tốt với Ban điều hành để đưa ra các quyết định, chính sách kịp thời, đúng đắn trong tiến trình quản lý công ty.
- Các thành viên HĐQT đã thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, làm việc có hiệu quả và đã thực hiện đầy đủ và đúng đắn quyền, trách nhiệm của thành viên HĐQT theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy

chế Quản trị công ty, Quy định tổ chức và Hoạt động của HĐQT.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp).

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành)

Stt	Thành viên BKS	Chức danh	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1.	Đỗ Thành Vượng	Trưởng ban	03/03	100%	0%
2.	Trần Văn Lợi	Thành viên	03/03	100%	0%
3.	Nguyễn Văn Thông	Thành viên	03/03	100%	0%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp)

- Trong năm 2025, Ban kiểm soát đã tổ chức 03 cuộc họp với sự tham dự của 100% thành viên Ban kiểm soát. Các cuộc họp được tổ chức tuân thủ các quy định. Ban kiểm soát đã thực hiện nhiệm vụ đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Thông qua việc kiểm soát, Ban kiểm soát đánh giá được hiệu quả điều hành của Tổng Giám đốc trong hoạt động kinh doanh, trong việc tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT, các kế hoạch kinh doanh và giải pháp thực hiện.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát.

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hóa bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ.

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Thu nhập của CBNV	Thù lao HĐQT, BKS 2024		Tổng cộng (VNĐ)
				HĐQT & BKS - Thụ ký HĐQT	Hoạt động HĐQT&BKS	
1	Nguyễn Mậu Hoàng Sơn	Chủ tịch HĐQT		80.780.000	45.526.037	80.780.000
2	Đình Trung Kiên	Phó CT HĐQT		66.355.000		66.355.000
3	Phan Thành Trinh	- Thành viên HĐQT - Tổng giám đốc	412.514.202	59.863.750		472.377.952
4	Nguyễn Bá Lộc	- Thành viên HĐQT - Phó Tổng giám đốc	331.134.946	59.863.750		390.998.696
5	Lê Thị Mỹ Lệ	- Thành viên HĐQT - Kế toán trưởng	301.257.795	21.637.500		322.895.295
6	Đỗ Thành Vượng	Trưởng BKS		30.090.887		30.090.887
7	Nguyễn Văn Thông	Thành viên BKS	135.058.430	27.941.538		162.999.968
8	Trần Văn Lợi	Thành viên BKS		27.941.538		27.941.538
10	Nguyễn Công Nguyễn	- Người PTQTCT - Thụ ký HĐQT - Nv Phòng KH-NV	125.992.029	30.000.000		155.992.029
Tổng cộng			1.305.957.402	404.473.963		45.526.037

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội

